

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 của UBND xã Bình Lư

Thực hiện Kế hoạch 8420/KH-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về hành động phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Thực hiện Công văn số 37/SKHCN-BCVTCNTT ngày 06/01/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026 – 2030;

UBND xã Bình Lư ban hành kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Chuyển đổi số;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Kế hoạch số 365-KH/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kế hoạch số 4308/KH-UBND ngày 04/08/2025 về Thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Kế hoạch số 5926/KH-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 1217/KH-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nền hành chính điện tử, chính quyền số tại xã: Ứng dụng Công nghệ thông tin, dữ liệu số để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tham mưu và chỉ đạo kịp thời.

Đảm bảo liên thông, chia sẻ dữ liệu, hạ tầng số ổn định và hiện đại giữa các cơ quan, địa phương, tạo điều kiện kết nối giữa chính quyền, người dân, doanh nghiệp.

Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, hồ sơ điện tử, văn bản điện tử, giảm thủ tục hành chính, tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực số, hiểu biết công nghệ, đổi mới tư duy và phương thức làm việc.

Tăng cường công tác an toàn, an ninh thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu, đảm bảo hoạt động thông suốt và bảo mật. Hướng tới mục tiêu dữ liệu làm nền tảng cho chỉ đạo, điều hành theo dõi, giám sát, đánh giá dựa trên số liệu góp phần ra quyết định chính xác hơn.

Xây dựng Chính quyền số hoạt động dựa trên dữ liệu và công nghệ số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công chất lượng cao. Từng bước đưa kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu. Xã hội số phát triển văn minh, an toàn, bao trùm.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh

* Giai đoạn năm 2026-2027

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

* Giai đoạn 2028-2030

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được “cá thể hoá”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- 80% thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công được khai thác, sử dụng lại.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

* Giai đoạn năm 2026- 2027

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính quyền số/Chính phủ số hoàn thành, đưa vào sử dụng theo đúng kế hoạch.

- 100% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.

- 100% chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.

- UBND xã đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

* Giai đoạn năm 2028 -2030

- UBND xã đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 90% phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường,... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Cụ thể hoá và triển khai có hiệu quả Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Kế hoạch số 4732/KH UBND ngày 21/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Đề án 1056/ĐA-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Bình Lư về chuyển đổi số Toàn diện, trọng tâm là xây dựng chính quyền số, công dân số.

- Bám sát chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện và trách nhiệm của các phòng, ban, đơn vị liên quan trong thực hiện chuyển đổi số, góp phần nâng cao chỉ số Chuyển đổi số của UBND xã.

- Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tham mưu, phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND xã và Chủ tịch UBND xã. Từng bước hình thành môi trường làm việc số, sử dụng dữ liệu số trong xử lý công việc, tăng năng suất lao động, tiết kiệm thời gian và chi phí hoạt động.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát chuyển đổi số của UBND xã trong giai đoạn 2026 - 2030 được thực hiện một cách hệ thống, đồng bộ, gắn với mục tiêu chiến lược của quốc gia và tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hiệu lực quản lý và phục vụ người dân – doanh nghiệp tốt hơn trong kỷ nguyên số.

- Căn cứ hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, UBND xã triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; ban hành các văn bản chỉ đạo hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Hoàn thiện thể chế

- Kịp thời triển khai, truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về phát triển Chính phủ số, Chính quyền số đến các cơ quan nhà nước, tổ chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn xã.

- Xây dựng và ban hành các chính sách, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành của UBND xã để thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Triển khai áp dụng hướng dẫn kỹ thuật về mức độ ứng dụng AI trong dịch vụ công trực tuyến, làm rõ khái niệm, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá mức độ cá thể hóa, chủ động, gợi ý hành động, ...; Hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của các bộ, ngành, địa phương; Tiêu chuẩn quốc gia về Chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến; Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn đánh giá mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu

3. Phát triển dữ liệu số

- Điện tử hóa danh mục tài liệu, hồ sơ và cập nhật dữ liệu lên phần mềm số hóa hồ sơ, thực hiện tốt việc quản lý, lưu trữ, khai thác thông tin, tài liệu, góp phần nâng cao hiệu, năng xuất công việc.

- Chủ động triển khai kết nối với các Hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia, cơ sở dữ liệu của tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, góp phần hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh; rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu, đảm bảo dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống" nâng cao năng lực của Hệ thống Dịch vụ công nhằm phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice được kết nối thường xuyên; việc giao, nhận văn bản trực tiếp trên hệ thống đảm bảo 100% công văn đi - đến được xử lý trên môi trường mạng (trừ các văn bản mật theo quy định), chú trọng công tác chuẩn hóa dữ liệu số; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ.

- Duy trì, thường xuyên cập nhật tin, bài trên Cổng thông tin điện tử xã đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp

thông tin và Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng.

4. Phát triển các ứng dụng, nền tảng số cho Chính quyền số

- Sử dụng các nền tảng số phục vụ chính quyền theo Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về phê duyệt Danh mục các nền tảng số quốc gia tập trung thúc đẩy sử dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ năm 2022 khi có hướng dẫn của các cơ quan chức năng.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xác định mục tiêu phù hợp với điều kiện thực tiễn, phấn đấu đạt tỷ lệ 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình; Tích hợp AI vào Cổng dịch vụ công để hỗ trợ người dân (Trợ lý ảo hướng dẫn về TTHC).

- Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, việc báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; chủ động triển khai và tích hợp trên Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành IOC của tỉnh các chỉ số thành phần phục vụ kịp thời Lãnh đạo UBND tỉnh.

5. Phát triển hạ tầng phục vụ Chính quyền số

- Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số phục vụ Chính quyền số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Triển khai bảo mật Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước theo hướng mở rộng, thống nhất và dùng chung cho toàn hệ thống chính trị, phục vụ gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, Tối Mật. Các nền tảng và ứng dụng dùng chung của tỉnh được kết nối trên mạng này, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phù hợp chức năng, tốc độ xử lý, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc, có tính năng bảo mật, đảm bảo an toàn, an ninh mạng, đường truyền Internet tốc độ cao để triển khai kết nối và xử lý dữ liệu trong cơ quan. Kịp thời khắc phục khi có sự cố cũng như chủ động trong việc nâng cấp hạ tầng, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh dữ liệu..

- Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền số tại địa phương theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

6. Bảo đảm an ninh mạng

- Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều theo Nghị định số

85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cho các hệ thống thông tin đang vận hành.

- Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

- Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin. Định kỳ sao lưu, Backup dữ liệu và bảo toàn riêng biệt, không có sự kết nối trên môi trường mạng.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định.

- Tham gia đầy đủ các lớp diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng, từ đó rút kinh nghiệm chủ động phòng, chống các tác nhân gây hại cho Hệ thống CNTT.

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các công chức, người lao động thông qua các hội nghị, cuộc họp, sinh hoạt chi bộ....

- Tham mưu lãnh đạo trong việc chủ động mua sắm các phần mềm có bản quyền, ưu tiên các máy tính phục vụ các việc thường xuyên có tính chất liên tục. Triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan chức năng.

- Giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

7. Nhân lực số

- Chủ động cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về CNTT, ATTT, chuyển đổi số do các cấp tổ chức nhằm đáp ứng yêu cầu ứng dụng và triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong đơn vị. Đào tạo CNTT theo vị trí việc làm; đảm bảo hầu hết cán bộ, công chức sử dụng tốt phần mềm cơ bản, chuyên ngành phục vụ công việc.

- Cùng với đó là việc chủ động phối hợp với các bộ phận trong cơ quan chia sẻ về kinh nghiệm, kiến thức mới trong công tác nhằm nâng cao khả năng phòng ngừa các yếu tố rủi ro phát sinh khi làm việc trên môi trường mạng.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Chủ động tham mưu trong việc hướng dẫn, thực hiện các thủ tục hành chính thông qua tài khoản định danh cá nhân VneID tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đặt tại Trung tâm phục vụ HCC, qua đó nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan.

- Chủ động tham mưu trong công tác phát triển kinh tế số thuộc lĩnh vực Nông nghiệp chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế của xã.

- Tiếp cận và đưa ra các giải pháp phát triển kinh tế số Du lịch theo hướng ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu hóa hoạt động quản trị, vận hành, khai thác, kinh doanh của các cơ sở lưu trú, các danh lam thắng cảnh, các khu du lịch, khu vui chơi, giải trí, các khu bảo tồn di sản văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc thông qua các Trang thông tin điện tử xã.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số xã, phân công rõ trách nhiệm cho từng thành viên gắn với lĩnh vực phụ trách; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND xã. Người đứng đầu các bộ phận, công chức chuyên môn chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả triển khai chuyển đổi số trong phạm vi lĩnh vực được giao.

- Ban hành chương trình, kế hoạch chuyển đổi số hằng năm và giai đoạn, bảo đảm thống nhất với định hướng của tỉnh, lồng ghép chặt chẽ với nhiệm vụ cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; kịp thời chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng số trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã; thực hiện quản lý công việc, theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số, từng bước hình thành phương thức điều hành dựa trên dữ liệu, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCCC, người dân, doanh nghiệp

- Xây dựng và triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số với nội dung, hình thức đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng; chú trọng tuyên truyền về lợi ích, kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, bảo đảm 100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo các hệ

thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh và Trung ương. Đồng thời, tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, các tổ công nghệ số cộng đồng tại bản.

- Phát huy vai trò của hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng thông tin điện tử xã, các nền tảng mạng xã hội chính thống trong công tác truyền thông chuyển đổi số; lồng ghép nội dung tuyên truyền chuyển đổi số trong các cuộc họp, hội nghị, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể nhằm tạo sự đồng thuận, tham gia tích cực của toàn xã hội.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác chuyển đổi số, công nghệ thông tin, dữ liệu theo hướng chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu quản trị, vận hành hệ thống thông tin, nền tảng số tại xã. Ưu tiên đào tạo cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về công nghệ thông tin đạt các chứng chỉ cơ bản về quản trị dữ liệu, an toàn thông tin.

- Khuyến khích tự học, tự bồi dưỡng, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức mới về công nghệ số trong nội bộ cơ quan; từng bước hình thành đội ngũ cán bộ “vừa am hiểu nghiệp vụ, vừa có năng lực số” phục vụ hiệu quả công tác chuyên môn.

- Tăng cường phối hợp, hợp tác với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, doanh nghiệp công nghệ để tiếp cận, học hỏi mô hình, giải pháp chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã; tranh thủ sự hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Đẩy mạnh nghiên cứu, lựa chọn và ứng dụng các công nghệ số phù hợp như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, nền tảng số dùng chung nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ hành chính, hỗ trợ người dân tra cứu thông tin, phản ánh kiến nghị; ứng dụng công nghệ số trong quản lý văn bản, hồ sơ công việc, thống kê, báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Khuyến khích thử nghiệm, áp dụng các giải pháp công nghệ mới theo hướng an toàn, tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên sử dụng các nền tảng, giải pháp đã được tỉnh, Trung ương phê duyệt, bảo đảm tính đồng bộ, liên thông và khả năng mở rộng trong tương lai.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước trong dự toán hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định; ưu tiên kinh phí cho các nhiệm vụ trọng tâm như hạ tầng số, dữ liệu số, an toàn thông tin, đào tạo nguồn nhân lực.

- Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác; đẩy mạnh hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, thuê hạ tầng số, điện toán đám mây nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát việc sử dụng kinh phí chuyển đổi số, bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, tránh lãng phí; gắn kết quả sử dụng nguồn lực với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ phận, cá nhân liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá – Xã hội

Là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số, có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các phòng, trung tâm, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; báo cáo UBND xã, Chủ tịch UBND xã kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2. Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Tham mưu cho UBND xã triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của UBND xã.

- Duy trì, phát triển Hệ thống thông tin báo cáo bảo đảm kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan rà soát, nâng cao hiệu quả hoạt động Hệ thống giải quyết TTHC, Hệ thống thư điện tử...

3. Phòng Kinh tế

- Chủ trì, Phối hợp với phòng Văn hóa - xã hội thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các kế hoạch tỉnh đã ban hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, đưa các sản phẩm nông nghiệp của bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

- Chủ động tham mưu cho UBND xã nguồn kinh phí thực hiện nội dung chuyển đổi số hàng năm theo quy định.

4. Công an xã

Chủ trì triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06 trên địa bàn xã; tham mưu xây dựng và triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ được Công an tỉnh phê duyệt.

5. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

Chủ trì, phối hợp với các phòng, Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Trang thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình

thức phù hợp khác để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia thực hiện.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Có danh mục mục tiêu và nhiệm vụ kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 của UBND xã Bình Lư. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT. Đảng uỷ, HĐND xã (b/c);
- Ủy ban MTTQ, các đoàn thể;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Nhàn

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
5	Xã Bình Lư đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Đạt	Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã
6	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	100%	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã
7	Tỉ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	50%	Công an xã Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã
II	Giai đoạn 2028-2030			
II.1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh			
1	Tỉ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	99%	VP HĐND - UBND UBND xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công
2	Tỉ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.	50%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã
3	Tỉ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.	100%	Công an xã Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã
4	Tỉ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	100%	VP HĐND - UBND UBND xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã
5	Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công.	80%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã
II.2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Xã Bình Lư đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Đạt	Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
				ngành đoàn thể xã
3	Tỉ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.	100%	Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã
4	Tỉ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.	100%	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã
5	Tỉ lệ đội ngũ lãnh đạo của từng cơ quan, tổ chức có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.	25%	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã
6	Tỉ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	100%	Công an xã Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã
7	Tỉ lệ các hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.	100%	Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND Bình Lư)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện thể chế				
1	Triển khai các van bản hướng dẫn kỹ thuật về mức độ ứng dụng AI trong dịch vụ công trực tuyến, làm rõ khái niệm, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí đánh giá mức độ cá thể hóa, chủ động	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Văn bản triển khai Hướng dẫn kỹ thuật được Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn
2	Triển khai hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của các bộ, ngành, địa phương.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Văn bản triển khai Hướng dẫn kỹ thuật được Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn
3	Triển khai áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia về Chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Văn bản triển khai áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia đã được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2026
4	Triển khai Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn đánh giá mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Kế hoạch hoặc Văn bản triển khai Khung hướng dẫn đã được cấp có thẩm	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
				quyền ban hành	
5	Triển áp dụng tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm theo từng lĩnh vực quản lý, bổ sung yêu cầu kỹ năng số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và công cụ làm việc của vị trí, trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực số quốc gia và các quy định hiện hành.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Kế hoạch hoặc Văn bản triển khai Tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm	Năm 2025-2030
6	Triển khai Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả các dự án, nhiệm vụ triển khai phát triển Chính phủ số sử dụng ngân sách nhà nước để làm cơ sở triển khai giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án, nhiệm vụ.	Phòng Kinh tế	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Kế hoạch hoặc Văn bản triển khai Bộ tiêu chí đánh giá được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2026
II	Phát triển dữ liệu số				
1	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	Năm 2026-2030
2	Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.				
III	Phát triển các ứng dụng, nền tảng số cho Chính quyền số				
1	Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành trung ương triển khai đến đơn vị, địa phương. Thực hiện kết nối toàn bộ các nền tảng số do trung ương triển khai, các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.	Cơ quan, đơn vị	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ và bảo đảm kế hoạch triển khai của các bộ, ngành trung ương	Năm 2026-2030
2	Xây dựng, phát triển, hoàn thiện Hệ thống điều hành thông minh (IOC) xã Bình	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
IV	Phát triển hạ tầng phục vụ Chính quyền số				

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
1	Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số phục vụ Chính quyền số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.	Phòng Văn hoá – Xã hội Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ số, Chính quyền số	Năm 2026-2030
2	Triển khai bảo mật Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước theo hướng mở rộng, thống nhất và dùng chung cho toàn hệ thống chính trị, phục vụ gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, Tối Mật. Các nền tảng và ứng dụng dùng chung của tỉnh được kết nối trên mạng này, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu.	Phòng Văn hoá – Xã hội Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
3	Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền số tại địa phương theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp viễn thông	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
V	Bảo đảm an ninh mạng				

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
1	Triển khai tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn kỹ thuật về lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin.	Phòng Văn hoá – Xã hội Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Văn bản triển khai, giải pháp truyền thông về quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn được ban hành	Năm 2026
2	Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt với hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã.	Phòng Văn hoá – Xã hội Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo triển khai	Năm 2026
3	Triển khai Khung đánh giá mức độ rủi ro hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung trên địa bàn xã. Triển khai cơ chế kiểm tra, giám sát an ninh mạng đối với chuỗi cung ứng phần mềm, dịch vụ thuê ngoài (SaaS, Cloud...), đối tác phát triển hệ thống theo nguyên tắc đánh giá mã nguồn (source code audit), kiểm soát truy cập và bảo mật bên thứ ba.	Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Văn bản triển khai, chỉ đạo về áp dụng, thực hiện Khung đánh giá đã được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2026
4	Tăng cường giám sát an toàn, an ninh mạng trên địa bàn để phát hiện và cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn thông tin cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp	Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	và người dân.				
VI	Phát triển nhân lực số				
1	Triển khai, cung cấp học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học vụ số	Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyên đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
3	Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
4	Triển khai khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo thực hiện	Tháng 12/2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	kỹ năng số, AI vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương				
5	Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, Chính Quyền số; Khung Kiến trúc Chính phủ số, Kiến trúc tổng thể số của tỉnh và bảo đảm an ninh mạng.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
6	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hằng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số cho các Tổ công nghệ số cộng đồng. Tổ chức Tập huấn cho cán bộ, công	Phòng Văn hoá – Xã hội	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị về thực hiện quản lý văn bản và hồ sơ công việc.				
VII	Hợp tác				
1	Xây dựng và triển khai chương trình hợp tác với các địa phương; hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu mở, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.	Phòng Văn hoá – Xã hội Công an xã	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
VIII	Bảo đảm kinh phí				
1	Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ hợp pháp khác.	Phòng Kinh tế	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Hàng năm bảo đảm bố trí ngân sách xã cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp với	Phòng Kinh tế	Cơ quan, đơn vị, Ban ngành đoàn thể xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	chỉ tiêu tại Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Lai Châu				